

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.252.190.269.582	5.610.598.077.038
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	70.779.322.235	79.184.958.927
1. Tiền	111		67.173.742.235	73.437.417.838
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.605.580.000	5.747.541.089
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		411.462.963.857	349.578.995.123
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	411.462.963.857	349.578.995.123
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.279.426.381.174	3.892.309.100.432
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4.403.901.677.976	3.017.814.778.010
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	453.780.568.263	536.502.480.769
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	172.150.000.000	45.154.300.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	273.352.121.049	304.082.328.718
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(24.172.874.980)	(11.509.087.818)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		414.888.866	264.300.753
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	1.378.079.299.654	1.218.736.777.919
1. Hàng tồn kho	141		1.378.141.387.921	1.218.798.866.186
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(62.088.267)	(62.088.267)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		112.442.302.662	70.788.244.637
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	26.896.044.855	23.948.570.136
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		84.630.032.456	45.700.231.114
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	916.225.350	1.139.443.387
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.196.158.991.808	1.971.187.185.653
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.226.088.528	3.205.070.795
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	3.021.490.761	4.000.473.028
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.7	(795.402.233)	(795.402.233)
II. Tài sản cố định	220		1.142.488.655.316	1.181.866.869.045
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	558.064.131.313	623.335.763.659
Nguyên giá	222		1.306.627.976.664	1.318.206.631.229
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(748.563.845.351)	(694.870.867.570)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	97.383.040.272	106.421.796.465
Nguyên giá	225		136.570.655.990	150.702.453.292
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(39.187.615.718)	(44.280.656.827)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	487.041.483.731	452.109.308.921
Nguyên giá	228		503.492.879.208	466.076.986.993
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.451.395.477)	(13.967.678.072)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		788.643.751.981	514.649.115.758
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	788.643.751.981	514.649.115.758
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		192.674.999.643	184.937.461.187
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	178.464.999.643	176.691.461.187
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	34.115.778.616	34.115.778.616
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(31.405.778.616)	(31.405.778.616)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	11.500.000.000	5.536.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		70.125.496.339	86.528.668.868
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	68.277.926.296	83.967.982.585
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.14	1.847.570.043	2.560.686.283
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		9.448.349.261.389	7.581.785.262.691

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		7.343.643.436.378	5.574.367.496.271
I. Nợ ngắn hạn	310		6.439.370.393.860	4.863.763.473.580
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	1.735.720.467.574	429.639.738.994
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	340.636.171.747	150.812.166.759
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	60.366.883.930	75.774.927.167
4. Phải trả người lao động	314		34.577.154.174	28.139.934.146
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	13.347.403.836	10.566.718.718
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		9.772.858	13.326.610
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	385.530.751.852	853.269.456.888
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	3.862.283.969.367	3.307.175.324.932
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.743.455.740	2.694.359.779
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	4.154.362.782	5.677.519.587
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		904.273.042.518	710.604.022.691
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	301.588.000.000	241.588.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	601.770.337.441	468.101.317.614
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		914.705.077	914.705.077
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.104.705.825.011	2.007.417.766.420
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	2.104.705.825.011	2.007.417.766.420
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.621.764.490.000	1.621.764.490.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.621.764.490.000	1.621.764.490.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(47.906.902.648)	(47.906.902.648)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		67.309.880.000	67.309.880.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(4.186.322.972)	(4.186.322.972)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(2.992.276.121)	(5.116.836.291)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		39.045.868.278	38.865.623.775
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		268.432.956	268.432.956
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		147.139.310.944	69.467.000.066
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		68.674.968.891	52.978.087.816
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		78.464.342.053	16.488.912.250
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		284.263.344.575	266.952.401.534
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		9.448.349.261.389	7.581.785.262.691

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Mạnh Quân

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Vĩnh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, VN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU			Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND			
					Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
					Năm nay	Năm trước	Năm 2024	Năm 2023
1.1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.964.500.170.403	2.778.015.347.018	11.420.326.791.071	9.780.654.605.019	
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	42.251.921.975	48.186.609.974	168.599.473.249	175.309.325.964	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.922.248.248.427	2.729.828.737.044	11.251.727.317.822	9.605.345.279.055	
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.3	3.633.682.151.051	2.508.966.487.771	10.299.570.777.974	8.768.510.255.537	
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		288.566.097.377	220.862.249.273	952.156.539.848	836.835.023.518	
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	25.675.776.070	26.537.546.040	77.991.830.109	84.624.064.675	
7.	Chi phí tài chính	22	VI.5	97.978.368.298	97.802.446.458	359.364.538.711	365.891.357.089	
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		76.826.199.468	80.323.930.028	285.104.171.411	318.142.487.613	
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		422.191.013	179.811.588	1.773.538.456	285.511.905	
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.6	104.392.304.586	77.089.323.915	378.614.849.383	287.175.971.417	
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	53.714.782.707	38.104.938.272	177.162.499.926	162.017.630.666	
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		58.578.608.869	34.582.898.257	116.780.020.394	106.659.640.926	
12.	Thu nhập khác	31	VI.8	2.205.560.716	1.542.488.858	60.652.276.042	3.868.487.404	
13.	Chi phí khác	32	VI.9	2.685.115.206	1.791.329.450	7.281.768.597	6.553.631.361	
14.	Lợi nhuận khác	40		(479.554.490)	(248.840.592)	53.370.507.446	(2.685.143.957)	
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		58.099.054.379	34.334.057.665	170.150.527.840	103.974.496.969	
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		26.983.623.497	18.312.987.060	59.389.024.547	44.884.928.605	
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-	
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31.115.430.883	16.021.070.605	110.761.503.294	59.089.568.364	
19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		26.399.489.791	2.484.369.781	78.464.342.053	16.488.912.250	
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.715.941.091	13.536.700.824	32.297.161.240	42.600.656.114	

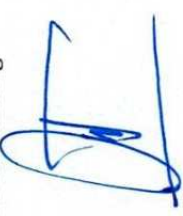
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	483,82	101,67	483,82	101,67
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	483,82	101,67	483,82	101,67

Người lập biểu



Nguyễn Mạnh Quân

Kế toán trưởng



Trương Văn Tiến

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng quản trị




Lê Vĩnh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		170.150.527.841	103.974.496.969
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		85.590.118.153	93.204.322.901
- Các khoản dự phòng	03		12.712.883.123	77.050.678
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		291.259.151	(3.316.313.939)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(104.848.181.465)	(56.658.537.812)
- Chi phí lãi vay	06		285.104.171.411	318.142.487.613
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		449.000.778.213	455.423.506.410
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.019.600.282.058)	(476.049.690.639)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(143.420.812.004)	516.073.648.620
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.067.319.102.057	71.129.251.366
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		13.281.613.900	21.360.950.176
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(286.187.920.152)	(330.690.738.286)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(56.416.352.490)	(18.184.192.707)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(1.702.053.500)	(2.658.019.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22.274.073.966	236.404.715.440
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(602.127.597.231)	(387.920.191.279)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		139.928.303.045	728.562.039
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(384.822.741.135)	(289.757.115.991)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		189.979.072.401	187.702.491.040
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		32.357.131.510	56.710.541.214
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(624.685.831.410)	(432.535.712.977)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

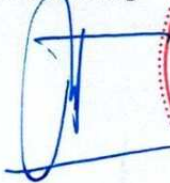
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.22a	890.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		10.437.124.869.766	8.456.068.466.278
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(9.800.890.997.232)	(8.331.712.341.234)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(41.715.945.569)	(28.564.121.549)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.500.000.000)	(4.275.211.087)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		593.907.926.965	91.516.792.408
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(8.503.830.478)	(104.614.205.129)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	79.184.958.927	183.916.538.854
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		98.193.786	(117.374.798)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	70.779.322.235	79.184.958.927

Người lập biểu



Nguyễn Mạnh Quân

Kế toán trưởng



Trương Văn Tiến

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Vĩnh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội, VN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gia dụng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa,...;
- Cung ứng các sản phẩm năng lượng mới như năng lượng mặt trời...
- Khai thác, kinh doanh các dự án cung cấp nước sạch;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh các dự án bất động sản công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 16 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty con trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Thị Trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội	Sản xuất và gia công cơ khí các sản phẩm, đồ dùng bằng kim loại	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền	Khu B, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất, dịch vụ	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà	Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Thị Trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội	Sản xuất bình Thái Dương năng	50,38%	50,38%	50,38%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Thị Trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại	51%	54,26%	54,26%

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	85%	85%	85%
Son Ha Myanmar International Limited	No. 33/B Damaryone Street, Ward No. 15, Bauktaw, Yankin Township, Yangon, Myanmar	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	52,51%	52,51%	52,51%
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ	Khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất nước thương mại	60%	60%	60%
Công ty Cổ phần giải pháp công nghệ nước và môi trường Sơn Hà GM Việt Nam	Số 2 phố Thanh Lâm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Nghiên cứu phát triển công nghệ lĩnh vực môi trường	51%	100%	100%
Công ty Cổ phần Điện Mặt trời Sơn Hà Free Solar	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện	90%	90%	90%
Công ty TNHH Một Thành viên Logistics Sơn Hà	Lô CN07.2-CN08, Khu công nghiệp đô thị Thuận Thành II, Xã Mão Điền, Thị xã Thuận Thành, Bắc Ninh	Dịch vụ vận tải	100%	100%	100%
Công ty TNHH Quản lý Vận Hành và Kinh Doanh nước sạch Sơn Hà	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Khai thác và xử lý nước	100%	100%	100%

Công ty con gián tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Lô CN07, Khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%	74,34%	74,34%

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Trường Thịnh	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	51%	36,97%	51%

6. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Cung cấp, phân phối nước sạch	20,10%	20,10%	20,10%
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà	Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản	30%	33,71%	33,71%
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanseem Việt Nam	Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Thị Trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	30%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Sơn Hà Đồng Nai	Tầng 13 Tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.	30%	30%	30%
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	Tầng 13 Tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	30%	40,58%	40,58%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 kết thúc kỳ kế toán Quý IV.2024, Tập đoàn có 1.641 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.619 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/- 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản công nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí thuê nhà, chi phí quảng cáo. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo, thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 25

10. Tài sản cố định thuê tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 – 10 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

16. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế;
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	8.451.831.946	10.382.627.269
Tiền gửi ngân hàng	58.328.760.786	63.054.790.569
Tiền đang chuyển	393.149.502	-
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	3.605.580.000	5.747.541.089
Cộng	70.779.322.235	79.184.958.927

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	411.462.963.857	349.578.995.123
Tiền gửi có kỳ hạn	411.462.963.857	349.578.995.123
Dài hạn	11.500.000.000	5.536.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	11.500.000.000	4.536.000.000
Trái phiếu	-	1.000.000.000
Cộng	422.962.963.857	355.114.995.123

2b. Đầu tư vào công liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanseem Việt Nam	13.500.000.000	-	13.500.000.000	13.500.000.000	-	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà	45.000.000.000	110.626.726	45.110.626.726	45.000.000.000	65.829.167	45.065.829.167
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Khu công nghiệp Sơn Hà Đồng Nai	60.000.000.000	(3.339.272)	59.996.660.729	60.000.000.000	(3.272.172)	59.996.727.828
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	45.000.000.000	(505.773.051)	44.494.226.949	45.000.000.000	(471.165.194)	44.528.834.806
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	12.259.031.850	3.104.453.389	15.363.485.239	12.259.031.850	1.341.037.536	13.600.069.386
Cộng	175.759.031.850	2.705.967.793	178.464.999.643	175.759.031.850	932.429.337	176.691.461.187

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	34.115.778.616	(31.405.778.616)	34.115.778.616	(31.405.778.616)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà ^(*)	31.405.778.616	(31.405.778.616)	31.405.778.616	(31.405.778.616)
Công ty Bất động sản Havico	2.710.000.000	-	2.710.000.000	-
Cộng	34.115.778.616	(31.405.778.616)	34.115.778.616	(31.405.778.616)

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc ngày lập báo cáo tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	11.416.548.990	8.213.080.098
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	7.288.178.096	2.909.267.633
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	2.839.375.204	3.652.520.804
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	518.040.271	710.013.661
Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà	126.677.419	297.000.000
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	644.278.000	644.278.000
Phải thu các khách hàng khác	4.392.485.128.986	3.009.601.697.912
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An	462.842.206.871	401.711.920.538
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng	741.207.233.148	383.566.082.763
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xuyên Thái Bình Dương	416.784.004.902	186.944.372.379
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Phát triển Thiên Phú	436.859.037.356	317.435.143.800
Công ty TNHH Thương mại Inox Hà Đông	873.470.087.325	424.376.770.198
Các khách hàng khác	1.461.322.559.384	1.295.567.408.234
Cộng	4.403.901.677.976	3.017.814.778.010

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	453.780.568.263	536.502.480.769
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Minh Ngọc ⁽ⁱ⁾	300.547.855.483	316.920.388.000
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy Thăng Long ⁽ⁱ⁾	19.553.165.381	28.938.472.282
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường ETM ⁽ⁱ⁾	7.605.272.607	7.605.272.607

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Hoàng An ⁽ⁱ⁾	46.800.000.000	46.800.000.000
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Đức Phong	-	3.440.464.642
GUANGDONG YANGCHENG STAINLESS STEEL MACHINERY LTD	11.810.559.432	45.309.788.855
ETERNAL TSINGSHAN GROUPLIMITED (Hongkong)	-	18.566.078.200
Các nhà cung cấp khác	67.463.715.360	68.922.016.183
Cộng	453.780.568.263	536.502.480.769

- (i) Các khoản tạm ứng cho nhà cung cấp thực hiện Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I – khu vực 2.

Khoản tạm ứng cho Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc theo hợp đồng số 001/2022/HĐTCXD-SHI ngày 06/01/2022 về việc cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây dựng công trình hạ tầng công nghiệp thuộc Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I – khu vực 2, giá trị hợp đồng 720 tỷ VND, thời gian thực hiện 365 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, nhận bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công. Ngày 28/12/2024, hai bên đã tiến hành quyết toán nghiệm thu đếm thời điểm hiện tại của hợp đồng với tổng giá trị 33.952.144.517 VNĐ.

Khoản tạm ứng cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Hoàng An theo hợp đồng số 002/2022/HĐTCXD-SHI ngày 10/01/2022 về việc thiết kế, thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt hệ thống xử lý nước thải thuộc Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I – khu vực 2, giá trị hợp đồng 108,8 tỷ VND, thời gian thực hiện 365 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, nhận bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công.

Khoản tạm ứng cho Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy Thăng Long theo hợp đồng thi công xây dựng số 001/2022/HĐTCXD/SHI-TFC ngày 28/12/2022 về việc thi công hệ thống Phòng cháy chữa cháy thuộc Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I – khu vực 2, giá trị hợp đồng 77,5 tỷ VND, thời gian thực hiện 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, nhận bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công.

Khoản tạm ứng cho Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường ETM theo hợp đồng thi công xây dựng số 001/2022/HĐTCXD/SHI-ETM ngày 28/12/2022 về việc thiết kế, thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt hệ thống nước sạch thuộc Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I – khu vực 2, giá trị hợp đồng 25,3 tỷ VND, thời gian thực hiện 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, nhận bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	172.150.000.000	45.154.300.000
Cho vay cá nhân khác	172.150.000.000	45.154.300.000
Cộng	172.150.000.000	45.154.300.000

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	122.365.009	-	121.819.554	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	50.459.000	-	50.459.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Sơn Hà Đồng Nai	2.694.750	-	2.694.750	-
Công ty Cổ phần Việt Nam Commodity Exchange	69.211.259	-	68.665.804	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	273.229.756.040	(2.886.390.855)	303.960.509.164	(2.886.390.855)
Phạm Xuân Vinh - Trợ Lý Phó Chủ tịch tạm ứng dự án	18.505.000.000	-	34.175.000.000	-
Hồ Văn Việt - Giám đốc Ban QLDA tạm ứng dự án Tam Dương	26.420.589.125	-	24.880.112.724	-
Lê Văn Tấn-KSNB tạm ứng dự án Tam Dương	-	-	26.400.000.000	-
Trần Cửu Quốc - tạm ứng tìm kiếm nguồn hàng	-	-	14.200.000.000	-
Đỗ Văn Ban-tạm ứng tìm kiếm thị trường	9.598.520.000	-	-	-
Phạm Văn Anh-Tạm ứng tìm kiếm thị trường	8.735.000.000	-	-	-
Trần Đức Thành- Tạm ứng kinh doanh	9.735.000.000	-	-	-
Tạm ứng của cá nhân khác	5.987.746.847	-	76.165.953.064	-
Ký cược, ký quỹ	20.719.766.692	-	10.476.897.871	-
Lãi dự thu	15.700.009.527	-	10.015.403.484	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	157.828.123.849	(2.886.390.855)	107.647.142.021	(2.886.390.855)
Cộng	273.352.121.049	(2.886.390.855)	304.082.328.718	(2.886.390.855)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	2.226.088.528	-	3.205.070.795	-
Phải thu các đối tượng khác	795.402.233	(795.402.233)	795.402.233	(795.402.233)
Cộng	3.021.490.761	(795.402.233)	4.000.473.028	(795.402.233)

7. Dự phòng phải thu khó đòi

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Kim loại Việt	trên 3 năm	3.540.903.520	(3.540.903.520)	trên 3 năm	3.540.903.520	(3.540.903.520)
Công ty TNHH Inox Hùng Anh	trên 3 năm	1.891.351.348	(1.891.351.348)	trên 3 năm	1.891.351.348	(1.891.351.348)
Phải thu dự án Chèm	trên 3 năm	4.750.000.000	(4.750.000.000)	trên 3 năm	-	-
Các đối tượng khác	Từ 1 đến 3 năm	15.533.870.472	(14.786.022.345)	Từ 1 đến 3 năm	7.096.796.605	(6.872.235.183)
Cộng		25.716.125.340	(24.968.277.213)		12.529.051.473	(12.304.490.051)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	11.509.087.818	795.402.233	12.304.490.051
Trích lập dự phòng bổ sung	12.769.953.806	-	12.769.953.806
Hoàn nhập dự phòng	(106.166.644)	-	(106.166.644)
Số cuối kỳ	24.172.874.980	795.402.233	24.968.277.213

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	229.408.630.871	-	18.828.911.595	-
Nguyên liệu, vật liệu	656.295.192.488	-	656.853.018.651	-
Công cụ, dụng cụ	26.204.767.837	-	8.588.557.040	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.380.576.881	-	7.288.412.410	-
Thành phẩm	158.315.694.498	-	199.616.973.322	-
Hàng hóa	303.498.695.475	(62.088.267)	327.556.769.310	(62.088.267)
Hàng gửi đi bán	37.829.871	-	66.223.858	-
Cộng	1.378.141.387.921	(62.088.267)	1.218.798.866.186	(62.088.267)

9. Chi phí trả trước**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bản quyền phần mềm	2.525.332.365	-
Công cụ dụng cụ	995.508.200	1.056.975.243
Chi phí quảng cáo	558.450.427	759.542.213

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng	16.580.019.622	14.614.793.334
Chi phí sửa chữa	448.579.135	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.788.155.106	7.517.259.346
Cộng	26.896.044.855	23.948.570.136

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	7.898.988.858	9.751.976.561
Chi phí thuê đất	44.279.654.398	45.663.537.688
Chi phí giải phóng, san lấp mặt bằng	3.285.212.402	3.493.797.326
Sửa chữa, cải tạo thiết bị, văn phòng	3.751.742.543	6.788.521.087
Chi phí quảng cáo	1.941.491.117	3.127.972.455
Showroom	-	8.150.091.475
Các chi phí trả trước dài hạn khác	7.120.836.978	6.992.085.993
Cộng	68.277.926.296	83.967.982.585

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội, VN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	439.420.933.855	693.824.344.097	164.012.375.987	20.948.977.290	1.318.206.631.229
Mua trong năm	123.018.262	5.915.795.748	1.711.082.887	2.037.588.213	9.787.485.110
Đầu tư XDCB hoàn thành	60.367.595.217	-	-	-	60.367.595.217
Tăng do mua lại tài sản thuê tài chính	-	10.652.260.303	27.277.321.815	-	37.929.582.118
Tăng/giảm do phân loại lại	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(82.006.752.101)	(19.693.354.922)	(14.882.360.231)	(3.923.429.988)	(120.505.897.242)
Tăng khác (chênh lệch tỷ giá)	400.575.528	347.231.084	60.326.073	34.447.546	842.580.232
Số cuối kỳ	418.305.370.761	691.046.276.310	178.178.746.531	19.097.583.061	1.306.627.976.664
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	145.318.453.816	420.750.860.945	112.577.679.848	16.223.872.961	694.870.867.570
Khấu hao trong năm	20.405.511.175	31.346.567.627	12.308.511.259	1.762.631.766	65.823.221.828
Tăng do mua lại tài sản thuê tài chính	-	7.250.960.750	14.815.700.705	-	22.066.661.455
Thanh lý, nhượng bán	(11.285.672.409)	(6.490.387.009)	(13.782.565.157)	(3.172.291.831)	(34.730.916.406)
Tăng khác (chênh lệch tỷ giá)	254.288.908	238.415.646	19.474.169	21.832.182	534.010.905
Số cuối kỳ	154.692.581.490	453.096.417.959	125.938.800.824	14.836.045.078	748.563.845.351
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	294.102.480.039	273.073.483.152	51.434.696.139	4.725.104.329	623.335.763.659
Số cuối kỳ	263.612.789.271	237.949.858.351	52.239.945.707	4.261.537.983	558.064.131.313

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	104.098.780.925	46.603.672.367	150.702.453.292
Thuê tài chính trong năm	23.621.216.812	-	23.621.216.812
Mua lại tài sản thuê tài chính	(10.609.163.264)	(27.143.850.850)	(37.753.014.114)
Số cuối kỳ	117.110.834.473	19.459.821.517	136.570.655.990
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	26.049.614.703	18.231.042.124	44.280.656.827
Khấu hao trong năm	11.851.595.808	5.122.024.538	16.973.620.346
Giảm khác (mua lại tài sản thuê tài chính)	(7.250.960.750)	(14.815.700.705)	(22.066.661.455)
Số cuối kỳ	30.650.249.761	8.537.365.957	39.187.615.718
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	78.049.166.222	28.372.630.243	106.421.796.465
Số cuối kỳ	86.460.584.712	10.922.455.560	97.383.040.272

Theo các hợp đồng thuê tài sản, Tập đoàn được quyền mua lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	423.578.410.872	42.498.576.121	466.076.986.993
Mua trong kỳ	37.584.700.000	137.500.000	37.722.200.000
Thanh lý nhượng bán	-	(314.580.000)	(314.580.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	8.272.215	8.272.215
Số cuối kỳ	461.163.110.872	42.329.768.336	503.492.879.208
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	6.939.952.846	7.027.725.226	13.967.678.072
Khấu hao trong năm	539.242.944	2.254.033.035	2.793.275.979
Thanh lý nhượng bán	-	(314.580.000)	(314.580.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	5.021.426	5.021.426
Số cuối kỳ	7.479.195.790	8.972.199.687	16.451.395.477
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	416.638.458.026	35.470.850.895	452.109.308.921
Số cuối kỳ	453.683.915.082	33.357.568.649	487.041.483.731

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng Tài sản cố định	Kết chuyển vào		Số cuối kỳ
				chi phí trong kỳ, giảm khác	Phân loại lại chi phí	
Mua sắm tài sản cố định	-	405.500.000	(137.500.000)	-	-	268.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	514.649.115.758	315.541.622.283	(19.020.925.100)	(22.643.413.801)	(150.647.159)	788.375.751.981
Dự án Bắc Cổ Nhuế - Chèm ⁽ⁱ⁾	4.750.000.000	-	-	-	-	4.750.000.000
Dự án nước Hà Đông ⁽ⁱⁱ⁾	7.501.159.939	15.516.260.286	(15.297.491.812)	(1.233.053.317)	-	6.486.875.096
Dự án 3 xã Bình Minh, Thanh Cao, Thanh Mai ⁽ⁱⁱⁱ⁾	12.981.095.687	1.629.528.731	-	(199.513.085)	-	14.411.111.333
Dự án KCN Tam Dương ^(iv)	405.345.191.028	89.357.718.916	-	(184.553.335)	-	494.518.356.609
Dự án làm sạch nước (khu thiết ứng Đông Anh)	14.423.293.711	103.740.329	-	(14.527.034.040)	-	-
Dự án nhà máy Bàu Bàng ^(v)	46.886.051.572	160.566.576.094	-	-	-	207.452.627.666
Dự án khác	22.762.323.821	48.367.797.927	(3.723.433.288)	(6.499.260.024)	(150.647.159)	60.756.781.277
Cộng	514.649.115.758	315.947.122.283	(19.158.425.100)	(22.643.413.801)	(150.647.159)	788.643.751.981

(i) Dự án tại lô đất D2 - CT1, Khu vực Bắc Cổ Nhuế - Chèm, quận Bắc Từ Liêm đã quá hạn để làm các thủ tục đầu tư và được UBND Thành phố Hà Nội chỉ đạo Sở kế hoạch đầu tư Hà Nội làm thủ tục hủy bỏ kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Cho đến thời điểm hiện tại chưa có văn bản chính thức của các Sở ban ngành về việc xử lý số tiền Công ty đã nộp vào Ngân sách nhà nước. Hiện công ty đang thực hiện trích lập dự phòng khoản tiền phải thu này.

(ii) Dự án đầu tư và xây dựng lắp đặt trạm xử lý nước sạch Hà Đông được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định 5760/QĐ - UBND ngày 17/10/2016 và Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 3757/QĐ - UBND ngày 25/07/2018 với liên doanh hai nhà thầu là Công ty nước sạch Hà Đông với Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) số 91/2017/HĐHTKD-NHĐ-SONHA ngày 30/05/2017. Giai đoạn 1 đã được kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành trong năm 2020, giai đoạn 2 đã được kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành trong năm 2021, giai đoạn 3 đang thực hiện thủ tục kiểm toán xây dựng cơ bản và dự kiến hoàn tất thời gian tới.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội, VN

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (iii) Dự án xây dựng mạng lưới cấp nước sạch liên xã Bình Minh, Thanh Cao, Thanh Mai, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định 709/QĐ - UBND ngày 11/02/2019 với liên doanh 2 nhà thầu Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà. Giai đoạn 1 đã được kiểm toán quyết toán hoàn thành trong Quý 1 năm 2022, giai đoạn 2 dự án đang hoàn tất công tác đấu nối đường ống dẫn nước đến từng hộ dân.
- (iv) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Tam Dương 1 - khu vực 2, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định 336/QĐ-TTg ngày 10/03/2021. Dự án được Ban Quản lý các khu công nghiệp Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3163852766 ngày 01/6/2021, thay đổi lần thứ 2 ngày 21/4/2023. Ngày 27/4/2023, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Quyết định số 906/QĐ-UBND về việc giao đất (đợt 1) cho Công ty với diện tích 81,24 ha. Cùng ngày 27/4/2023, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy phép Xây dựng số 16/GPXD cho Công ty để thực hiện xây dựng các hạng mục của Dự án.
- (v) Dự án Nhà máy Bàu Bàng tại Ấp Suối Tre, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương để đầu tư mở rộng thêm nhà máy mới để sản xuất các sản phẩm thương hiệu Toàn Mỹ và một phần diện tích Nhà máy sẽ cho Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam (SSP) thuê để sản xuất ống inox bán cho thị trường Miền Nam và xuất khẩu.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Lợi thế thương mại

Là khoản lợi thế thương mại khi ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà và Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ. Chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu năm	2.560.686.283	3.273.802.523
Số phân bổ trong năm	(713.116.240)	(713.116.240)
Số cuối kỳ	1.847.570.043	2.560.686.283

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	2.314.249.336	2.314.249.336
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	2.283.675.897	2.283.675.897
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	30.573.439	30.573.439
Phải trả các nhà cung cấp khác	1.733.406.218.238	427.325.489.658
Công ty TNHH POSCO VST	6.680.646.492	55.923.097.828
Công ty TNHH Kinh doanh TM Đức Phong	97.867.824.914	-
Công ty Cổ Phần Thương mại Đầu tư Phương Nam	204.073.588.787	14.793.729.678
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Quốc tế Bình Minh	225.721.701.424	-
Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ Hoàng An	104.850.347.444	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Thiên Long	172.455.764.274	13.430.389.238
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Inox Minh Phú	236.006.292.251	11.188.801.671
Công ty TNHH thương mại Inox Nhật Minh	65.275.250.784	-
Cá nhân bán đất dự án	-	21.225.338.399
Công ty TNHH Một thành viên Nước Sạch Hà Đông	-	13.961.677.718
KAUNG MYAT HTAY COMPANY LIMITED	-	43.023.532.208
Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật kim loại Tân Việt	70.116.539.445	-
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Kim loại YONGJIN Việt Nam	55.751.522.424	-
GOLDEN HARBOUR INTERNATIONAL PTE. LTD	175.634.833.911	-
Các nhà cung cấp khác	318.971.906.088	253.778.922.918
Cộng	1.735.720.467.574	429.639.738.994

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng khác	340.636.171.747	150.812.166.759
Khách đặt trước tiền mua dự án Tam Dương	29.815.750.000	-
Công ty TNHH thương mại và đầu tư Thiên Long ứng trước tiền hàng.	98.200.000.000	-
Công ty TNHH thương mại Inox Nhật Minh ứng trước tiền hàng.	89.100.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH XNK Inox Tsinghan Việt Nam ứng trước tiền hàng.	52.463.091.468	-
Các nhà phân phối đại lý	-	115.972.601.392
Các khách hàng khác	71.057.330.279	34.839.565.367
Cộng	340.636.171.747	150.812.166.759

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	32.712.036.135	31.791.211	61.930.881.180	(80.632.445.252)	14.007.406.329	28.725.477
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	341.767.731.508	(341.767.731.508)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	85.904.199	1.972.001.297	(1.960.701.466)	-	74.604.368
Thuế tiêu thụ đặc biệt	13.429.365	-	527.328.935	(531.932.089)	8.826.211	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.917.875.125	944.612.382	59.389.024.546	(56.416.352.490)	44.700.824.574	754.889.775
Thuế thu nhập cá nhân	845.551.362	42.047.446	6.364.895.734	(6.015.801.990)	1.181.992.091	29.394.432
Thuế tài nguyên	262.428.400	-	3.751.852.000	(4.014.240.400)	40.000	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	35.088.149	1.580.774.592	(1.574.297.742)	-	28.611.299
Các loại thuế khác	4.431.068	-	1.447.498.052	(1.451.929.120)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	19.175.712	-	1.379.286.158	(930.667.145)	467.794.725	-
Cộng	75.774.927.167	1.139.443.387	480.111.274.002	(495.296.099.202)	60.366.883.930	916.225.350

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 5%, 8%, 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3770038731 ngày 14 tháng 10 năm 2016 do Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An cấp, Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm (đến hết năm 2019) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 09 năm tiếp theo (đến hết năm 2028) do thực hiện Dự án Đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Các công ty khác trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Đối với diện tích 8.792,7 m² đất tại lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội với đơn giá 13.302 VND/m² theo TB: 6834/TB-CCCT-TBTK ngày 29/04/2022; diện tích 44.800 m² tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội với đơn giá 45.020 VND/m² theo công văn số 14687/TB-CTHN-QLĐ ngày 08 tháng 04 năm 2022.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	4.245.255.801	5.329.004.542
Chi phí hàng khuyến mại	3.021.829.560	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	6.080.318.475	5.237.714.176
Cộng	13.347.403.836	10.566.718.718

19. Phải trả khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	385.530.751.852	853.269.456.888
Tài sản thừa chờ giải quyết	187.250.629	-
Kinh phí công đoàn	2.448.595.299	2.259.881.393
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	96.850.414	335.013.067
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.381.394.611	2.007.335.671
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	14.894.743.632	126.557.572.807
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	249.868.887.900	438.307.510.759
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	-	7.594.446.888
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh	-	101.839.140.492
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	32.966.120.908
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đông Đô	15.520.770.982	62.247.614.924
Thu tiền các hộ dân hỗ trợ đặt đồng hồ, ống nước	26.375.135.752	-
Phải trả cổ tức	56.084.138.291	42.692.977.601
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	17.672.984.342	36.461.842.378
Cộng	385.530.751.852	853.269.456.888

19b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	301.588.000.000	241.588.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	5.000.000	5.000.000
Trần Huyền Linh đặt cọc dự án Tam Dương	60.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng	47.160.000.000	47.160.000.000
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An	48.395.000.000	48.395.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xuyên Thái Bình Dương	41.708.000.000	41.708.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Phát triển Thiên Phú	52.970.000.000	52.970.000.000
Công ty TNHH Thương mại Inox Hà Đông	51.350.000.000	51.350.000.000
Cộng	301.588.000.000	241.588.000.000

Là khoản đặt cọc đất dự án Tam Dương của các khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính****20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	3.862.283.969.367	3.307.175.324.932
Vay ngắn hạn ngân hàng	3.801.261.488.413	3.247.842.829.222
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ⁽ⁱ⁾	830.520.473.803	760.886.507.114
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức ⁽ⁱⁱ⁾	827.884.980.286	797.670.323.826
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - chi nhánh Thanh Trì ⁽ⁱⁱⁱ⁾	50.040.544.052	9.639.980.668
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ^(iv)	91.496.574.938	90.127.064.709
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đống Đa (PGD Thành Công) ^(v)	108.984.293.565	6.630.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An ^(vi)	55.829.491.638	56.926.538.475
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ^(vii)	334.104.548.456	399.116.658.039
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh ^(viii)	28.971.785.841	16.845.520.554
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long ^(ix)	528.641.629.972	459.412.623.886
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - chi nhánh Tây Hà Nội ^(xi)	215.875.202.262	155.280.746.957
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành Đô ^(xii)	39.866.332.499	39.899.064.700
Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun – CN Đồng Nai ^(xiii)	130.337.730.950	-
Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh Hà Nội ^(xiv)	166.586.458.329	114.779.034.673
Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) ^(xv)	-	9.660.570.968
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ^(xvi)	155.340.601.142	198.682.688.563
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - chi nhánh Kinh Đô ^(xvii)	39.559.290.911	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô ^(xviii)	18.880.449.978	94.294.331.291
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội Sở Chính ^(xix)	-	9.516.169.684
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ khởi nghĩa TP HCM ^(xx)	19.163.551.730	28.475.005.115
Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hồ Gươm ^(xxi)	57.876.209.065	-
Ngân hàng TMCP An Bình CN Hà Nội PGD Đại Kim ^(xxii)	76.315.419.814	-
Ngân hàng SINOPAC CN Hồ Chí Minh ^(xxiii)	24.985.919.182	-
Vay tổ chức khác	-	10.200.000.000
Công ty TNHH Công Nghệ ánh Dương Việt Nam	-	10.200.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	5.000.000	1.305.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	18.425.107.165	19.690.872.551
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	-	124.750.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	5.700.000.000	5.700.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Quang Trung	3.066.528.000	3.066.528.000
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	6.000.000.000	6.710.294.862
Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - Chi nhánh Nghệ An	740.000.000	1.480.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Trì	2.751.956.213	2.442.676.737
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	166.622.952	166.622.952
Vay Quỹ đầu tư phát triển đến hạn trả	5.150.000.000	780.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	37.442.373.789	27.356.623.159
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV-Sumi Trust- CN Hà Nội	6.451.860.759	8.899.907.021
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam	26.488.811.328	17.937.300.636
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế chailease	4.501.701.702	519.415.502
Cộng	3.862.283.969.367	3.307.175.324.932

Khoản vay tại Công ty mẹ

- (i) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2024/147831/HĐTD ngày 10 tháng 10 năm 2024 với tổng hạn mức tín dụng 770.000.000.000 VND mục đích để tài trợ vốn lưu động, lãi suất điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, tài sản đảm bảo là các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ được giao kết trước ngày hợp đồng vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/147831/HĐTD ngày 11 tháng 10 năm 2024 với tổng hạn mức tín dụng 480.000.000.000 VND mục đích để tài trợ vốn lưu động, lãi suất điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, tài sản đảm bảo là các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ được giao kết trước ngày hợp đồng vay.
- (vii) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 10/2024-HĐCVHM/NHCT320-SONHA ngày 02 tháng 10 năm 2024 với tổng hạn mức 390.000.000.000 VND, mục đích để bổ sung vốn lưu động, lãi suất điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, thời hạn vay 06 tháng, tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất và bất động sản.
- (ix) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội-Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 211833.24.058.588663.TD ký ngày 20 tháng 05 năm 2024, hạn mức cho vay 200.000.000.000 VND Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, kinh doanh inox. Thời hạn cho vay 12 tháng, lãi

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

suất được áp dụng cho khoản tín dụng theo từng kì tính lãi sẽ là mức lãi suất theo quy định của ngân hàng.

- (xi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - chi nhánh Tây Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 132/2024/HDTD/TTI ký ngày 20 tháng 06 năm 2024, hạn mức cho vay 250.000.000.000 VNĐ Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất được áp dụng cho khoản tín dụng theo từng kì tính lãi sẽ là mức lãi suất theo quy định của ngân hàng.
- (xiii) Khoản vay Ngân hàng ESUN BANK- Chi nhánh Đồng Nai theo Thỏa thuận tín dụng số 10000693LD001202419 ngày 13/03/2024 với hạn mức 3.500.000 USD (Bằng chữ: Ba triệu, năm trăm nghìn đô la Mỹ), thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất được áp dụng cho khoản tín dụng theo từng kì tính lãi sẽ là mức lãi suất theo qui định của ngân hàng, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- (xiv) Khoản vay Ngân hàng First Commercial - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 30240126 ngày 25 tháng 11 năm 2024, hạn mức cho vay 80.000.000.000 VND để mua nguyên vật liệu, hàng hóa nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay 180 ngày tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến ngày đáo hạn quy định trên văn bản nhận nợ, lãi suất được áp dụng cho khoản tín dụng theo từng kì tính lãi sẽ là mức lãi suất theo qui định của ngân hàng.
- (xvi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số SHLHDTD.2024_01 ngày 12 tháng 11 năm 2024, hạn mức cho vay 100.000.000.000 VNĐ Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất được áp dụng cho khoản tín dụng theo từng kì tính lãi sẽ là mức lãi suất theo quy định của ngân hàng.
- (xxi) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng tín dụng hạn mức số: 3459/23MB/HĐTD ngày 28/02/2023 với hạn mức 200.000.000.000VND, lãi suất được áp dụng cho khoản tín dụng theo từng kì tính lãi sẽ là mức lãi suất theo qui định của ngân hàng, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Khoản vay tại Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/4916331/HĐTD ký ngày 10/07/2024 với giới hạn cấp tín dụng tối đa 50 tỉ VND, mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi, gồm hợp đồng tiền gửi số 4916331202310090001 ngày 09/10/2023 giá trị 1,581,010,000 VND, hợp đồng tiền gửi số 4916331202310310001 ngày 31/10/2023 giá trị 319,200,000 VND, hợp đồng tiền gửi số 4916331202412110001 ngày 11/12/2024 giá trị 3,000,000,000 VND.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đống Đa của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 270447.24.058.2085909.TD ký ngày 26/12/2024 với giới hạn cấp tín dụng tối đa 60 tỉ VND, mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi, gồm: hợp đồng tiền gửi số 3585121906302 ngày 04/01/2024 giá trị 1,000,000,000VND

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

, hợp đồng tiền gửi số 4010027398981 ngày 22/05/2024 giá trị 500,000,000 VND, hợp đồng tiền gửi số 5775525405968 ngày 10/04/2024 giá trị 500,000,000 VND, hợp đồng tiền gửi số 6293146221307 ngày 09/07/2024 giá trị 500,000,000 VND, hợp đồng tiền gửi số 1974905505663 ngày 29/07/2024 giá trị 700,000,000 VND, hợp đồng tiền gửi số 9526586856696 ngày 20/12/2024 giá trị 80,000,000 VND.

Khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên SSP Việt Nam

- (i) Khoản vay của Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP theo hợp đồng tín dụng số 01/2024/7989546/HĐTD ngày 18/09/2024. Hạn mức tín dụng 500.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng nhưng không quá 15/09/2025. Khoản vay được bảo đảm bằng là nguyên vật liệu, bán thành phẩm đang thể chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.
- (ii) Khoản vay của Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/7989546/HĐTD ngày 18/09/2024 với tổng hạn mức 225.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 15/09/2025, mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được đảm bảo chung bằng tài sản là nguyên vật liệu, bán thành phẩm đang thể chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức.
- (viii) Khoản vay của Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam theo Hợp đồng số 23.42.001/2023-HĐCV HM/NHCT264-SSP ngày 02/11/2023. Tổng hạn mức 44.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm thép không gỉ. Lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng bằng Văn bản cam kết của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà vô điều kiện, không hủy ngang toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn cho Bên Vay tại Bên Cho Vay và Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số: 02/2020/HĐBĐ/NHCT264, hợp đồng thế chấp động sản 20.09/2022/HĐBĐ/NHCT264-SAONHASSP, hợp đồng cầm cố 0308/2023/HĐBĐ/NHCT264-SONHA giữa Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP và Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Quang Minh.
- (ix) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long của Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP theo hợp đồng cấp tín dụng số 179692.23.058.2475643.TD ngày 18/12/2023 và phụ lục số 179692.23.058.2475643.TD.PL.912 ngày 07/12/2024, hạn mức bao gồm : Hạn mức tín dụng là 400.000.000.000 VND. Hạn mức trên đã bao gồm hạn mức cho vay, hạn mức mở LC, hạn mức thấu chi. Mục đích bổ sung vốn lưu động, mở LC phục vụ lĩnh vực sản xuất kinh doanh ống thép Inox. Lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được bảo đảm bằng giấy tờ có giá là 1.120.000 Cổ phiếu SHI của Ông Lê Vĩnh Sơn - Chủ tịch Công ty, Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán căn nhà tại địa chỉ số 56, lô đất số Q-M5 tại KĐT Nam Thăng Long thuộc quyền sở hữu của Ông Lê Vĩnh Sơn và bà Trần Thị Kim Dung, hàng tồn kho luân chuyển thành phẩm ống thép tại kho Nhà máy Phùng và các khoản phải thu, hàng hóa phát sinh từ các hợp đồng mua bán khác.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Trì của Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 133/2024/HĐTD/TTI ngày 21/06/2024 với tổng hạn mức 250.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, mục đích

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 (tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành LC phục vụ sản xuất và kinh doanh các sản phẩm như ống thép Inox, hộp thép Inox.

- (xiii) Khoản vay Ngân hàng TM TNHH E.SUN – CN Đồng Nai của Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP theo hợp đồng cấp tín dụng số 10001135LD001202492 ký ngày 25/11/2024, hạn mức bao gồm: Hạn mức tín dụng là 2.000.000 USD. Thời hạn sử dụng hạn mức 12 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh LC phục vụ sản xuất và kinh doanh.
- (xiv) Khoản vay của Ngân hàng first commercial bank của Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP theo hợp đồng cấp tín dụng số 30240081 ngày 18/09/2024, hạn mức bao gồm: Hạn mức tín dụng là 3.000.000USD. Thời hạn sử dụng hạn mức 12 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh LC phục vụ sản xuất và kinh doanh ống inox dạng cuộn, tấm... Khoản vay được đảm bảo chung bằng tài sản là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.
- (xvi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam của Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP theo hợp đồng cấp tín dụng số SSP.HDTD.2023_01 ký ngày 19/10/2023, hạn mức bao gồm: Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000đ. Thời hạn sử dụng hạn mức 12 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh LC phục vụ sản xuất và kinh doanh ống inox dạng cuộn, tấm...
- (xvii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank) - Chi nhánh Kinh Đô của Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02102023-2698342-01-SME ngày 10/10/2023, tổng hạn mức 250.000.000.000 VND trong đó hạn mức vay 150.000.000.000 VND, hạn mức phát hành L/C 250.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành LC phục vụ sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, đồ dùng bằng thép không gỉ(Inox).
- (xviii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam- Chi nhánh Đông Đô của Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP theo hợp đồng cấp tín dụng số DDA202113577408/HĐCTD ngày 25/11/2021, hạn mức bao gồm: Hạn mức tín dụng là 280.000.000.000 VND và phụ lục số DDA202113577408/HĐCTD/PLHM-1952451 ngày 10/06/2024 tổng hạn mức là 212.000.000.000VNĐ trong đó hạn mức vay là 212.000.000.000VNĐ, hạn mức LC là 212.000.000.000 VND, lãi suất theo từng khế ước giải ngân. Thời hạn sử dụng hạn mức 12 tháng từ 10/06/2024 đến 10/06/2025, mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh LC phục vụ sản xuất và kinh doanh ống inox dạng cuộn, tấm...
- (xxii) Khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình – CN Hà Nội – PGD Đại Kim của Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP theo hợp đồng cấp tín dụng số 868/24/TD/SME/082 ký ngày 26/07/2024, hạn mức bao gồm: Hạn mức tín dụng là 150.000.000.000đ. Thời hạn sử dụng hạn mức 12 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh LC phục vụ sản xuất và kinh doanh ống inox dạng cuộn, tấm...
- (xxiii) Khoản vay Ngân hàng SinoPac – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP theo hợp đồng cấp tín dụng số 241031 ký ngày 25/11/2024, hạn mức bao gồm: Hạn mức tín dụng là 1.000.000 USD Thời hạn sử dụng hạn mức 12 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh LC phục vụ sản xuất và kinh doanh.

Khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An

- (i) Khoản vay tín chấp Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/7696459/HĐTD ngày 15 tháng 07 năm 2024 với hạn mức

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

80.000.000.000 VND thời hạn 12 tháng, mục đích để Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C với lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2021/7696459/HĐBĐ ngày 02/12/2021 và Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2023/7696459/HĐBĐ ngày 07/04/2023 giữa Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân.

- (vi) Khoản vay của Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 11/2024-HĐCVHM/NHCT440-SONHANGHEAN ngày 18 tháng 10 năm 2024 với hạn mức 50.000.000.000 VND mục đích để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 18 tháng 10 năm 2025. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01/2022/HĐBĐ/NHCT440-SONHA ngày 31/03/2022, số 03/2023/HĐBĐ/NHCT440-SONHANA ngày 12/12/2023, số 02/2021/HĐBĐ/NHCT440-SONHA ngày 05/10/2021, số 02/2022/HĐBĐ/NHCT440-SONHA ngày 20/05/2022, số 10/2024/HĐBĐ/NHCT440-SONHA ngày 09/10/2024, số 11/2024/HĐBĐ/NHCT440-SONHA ngày 19/11/2024 giữa Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An.

Khoản vay tại Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ

- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương của Công ty Cổ phần Tổng Công Ty Toàn Mỹ theo Hợp đồng số 110K22-TM ký ngày 10/10/2022 với lãi suất cụ thể cho từng lần nhận nợ Vay. Tổng hạn mức 150.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay duy trì là 12 tháng và không quá ngày 10/10/2024. Khoản vay được bảo đảm bằng Quyền sử dụng đất & tài sản gắn liền với đất tại nhà máy Bình Dương (KP Hòa Lân 1, P. Thuận Giao, Tp Thuận An, tỉnh Bình Dương), hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.
- (xiv) Khoản vay tại Ngân hàng First Commercial Bank với hạn mức 50.000.000.000 VNĐ để tại trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ nhu cầu kinh doanh thời hạn 12 tháng. Khoản vay này được ông Lê Vĩnh Sơn và Công ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà bảo lãnh và bên vay phải thế chấp 40% số tiền khi giải ngân dưới hình thức tiền gửi để đảm bảo khi vay.
- (xx) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ khởi nghĩa TP HCM của Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023/11479480/HĐTD nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C, bảo lãnh với hạn mức 30.000.000.000 VNĐ với thời hạn vay các khoản không quá 6 tháng.

Khoản vay tại Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ miền Trung

- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An của Công ty TNHH Một thành viên Toàn mỹ Miền Trung theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT440-TOANMYMT ngày 29/07/2024 với hạn mức tín dụng 25.000.000.000 VND, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày ngày 29/07/2024 đến hết ngày 29/07/2025, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng bảo đảm tiền gửi.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoài Đức của Công ty TNHH Một thành viên Toàn mỹ Miền Trung theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024/11678877/HĐTD ngày 19/08/2024 với hạn mức tín dụng 50.000.000.000 VND, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày ngày 19/08/2024 đến hết ngày 30/06/2025, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các Tài sản cố định là phương tiện vận tải của công ty.

Khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoài Đức của Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/8799911/HĐTD ngày 18/01/2024 với hạn mức cho vay tối đa là 200.000.000.000 VND, mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C, lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng, cấp bảo lãnh và L/C cụ thể. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tối đa không quá ngày 31/12/2024, thời hạn vay được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – PGD Thành Công của Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh theo hợp đồng cấp tín dụng số 236741.24.058.761.3925.TD ngày 20/08/2024, hạn mức bao gồm: Hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 VND, lãi suất cho vay là 5%/năm. Thời hạn sử dụng hạn mức 12 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh LC phục vụ sản xuất.
- (xii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành Đô của Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 24/2024/HĐTD ngày 04/03/2024 với hạn mức cho vay tối đa là 50.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, phát hành LC Upas X phục vụ hoạt động sản xuất gia dụng từ Plastic, kim loại như bồn chứa nước, bình nước nóng của khách hàng, lãi suất được xác định theo từng hợp đồng cụ thể, thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng. Tài sản đảm bảo là các tài sản được luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh từ tài sản được hình thành tại thời điểm hiện tại, tài sản hình thành trong tương lai và toàn bộ hàng hóa đã, đang và sẽ hình thành, được luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi sản xuất kinh doanh của Công ty được đặt tại kho có địa chỉ Lô CN07.2-CN08, KCN đô thị Thuận Thành II, xã Mão Điền, TX Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.
- (xvi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch của Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh theo hợp đồng cấp tín dụng số BNH.HĐTD.2024_01 ngày 05/11/2024, hạn mức bao gồm: Hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND, lãi suất cho vay là 7.75%/năm. Thời hạn sử dụng hạn mức 12 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh LC phục vụ sản xuất.

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	601.770.337.441	468.101.317.614
Vay dài hạn ngân hàng	471.124.650.632	368.266.577.987

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - Chi nhánh Nghệ An ⁽ⁱ⁾	24.467.409.948	4.425.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱⁱ⁾	25.520.953.879	31.220.953.879
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Quang Trung ⁽ⁱⁱⁱ⁾	12.777.311.778	15.843.839.778
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Thành An ^(iv)	-	207.939.187.148
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ^(v)	128.762.253.996	102.571.650.038
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam Chi nhánh Lê Thái Tổ ^(vi)	69.426.224	236.049.176
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - chi nhánh Thanh Trì ^(vii)	4.231.553.497	6.029.897.968
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ^(viii)	275.295.741.310	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	53.317.497.062	58.467.497.062
Quỹ Đầu tư Phát triển Hà Nội ^(x)	53.317.497.062	58.467.497.062
Nợ thuê tài chính	77.328.189.747	41.367.242.565
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - CN Hà Nội	8.209.737.206	10.630.153.868
Công ty TNHH cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	54.035.076.733	29.408.914.157
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế CHAILEASE	15.083.375.808	1.328.174.540
Cộng	601.770.337.441	468.101.317.614

Khoản vay tại Công ty mẹ

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi Nhánh Hà Tây theo dự án đầu tư 85/17/KHDN/TDN/VCBHT-SH ngày 29 tháng 8 năm 2017 mục đích thực hiện dự án Xây dựng trạm xử lý nước Dương Nội, quận Hà Đông, công suất 30.000 m3/ngđ, dư nợ vay tối đa là 100.000.000.000 VND, thời hạn vay: 15 năm, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trong tương lai từ dự án trạm xử lý nước Dương Nội có công suất 30.000 m3/ngày và các hạng mục có liên quan thuộc dự án Xây dựng Trạm xử lý nước Dương Nội, quận Hà Đông.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung theo HĐ số 62/2017-HDDCVDDADDT/NHCT324-SONHA ngày 29/12/2017 mục đích thanh toán các chi phí để thực hiện phương án hợp tác kinh doanh số 876/2017/HĐHTKD-NHD-SONHA ngày 02/08/2017 giữa công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà để thực hiện dự án đầu tư “Xây dựng mạng lưới cấp nước liên xã Vân Côn- An Thượng, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội”, dư nợ vay tối đa là 57.513.000.000 VND và không vượt quá 62.5% tổng mức đầu tư của dự án (bao gồm VAT), thời hạn vay: 144 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản phát sinh từ dự án “Xây dựng mạng lưới cấp nước liên xã Vân Côn-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

An Thượng, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội” mà Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và Công ty CP Quốc tế Sơn Hà Hợp tác đầu tư.

- (viii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng số 01/2024/147831/HĐTD ngày 08 tháng 04 năm 2024 với tổng hạn mức 1.056.410.000.000 VND mục đích đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Tam Dương I- khu vực 2, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời hạn cho vay 72 tháng, thời gian ân hạn 18 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất theo từng giấy nhận nợ.
- (x) Khoản vay Quỹ đầu tư và phát triển thành phố Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 06/2019/HĐTD-SHI ngày 30/09/2019 giữa Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội với mục đích thanh toán chi phí thực hiện các gói thầu số 01, 02, 03, 11 của dự án "Lắp đặt tuyến ống truyền dẫn, trạm tăng áp và tuyến ống phân phối, dịch vụ xã Bình Minh, xã Thanh Mai, xã Thanh Cao", thời hạn 138 tháng, hạn mức 61.311.000.000 VNĐ, Lãi suất 6,95%/năm, mục đích sử dụng tiền vay thanh toán chi phí thực hiện các gói thầu của dự án.

Khoản vay tại Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ

- (v) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay hạn mức để thanh toán các chi phí hợp pháp hợp lệ để đầu tư dự án Xây dựng nhà máy Toàn Mỹ Bàu Bàng. Hạn mức cho vay không quá 230.000.000.000 VND với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Thời hạn cho vay 120 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 06 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được thế chấp bằng Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với thửa đất số phát hành DI 628773 tại xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương với diện tích 40.417,2 m2 có thời hạn sử dụng đến tháng 02/2068.

Khoản vay tại Công ty TNHH MTV Toàn mỹ Miền Trung

- (ix) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An của Công ty TNHH Một thành viên Toàn mỹ Miền Trung theo Hợp đồng cho vay trung hạn số 01/2024-HĐCVDADT/NHCT440-TOANMYMT-DADT ngày 05/02/2024 với số tiền cho vay không vượt quá 30.000.000.000 VND, mục đích vay dùng để thanh toán các khoản chi phí đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các mặt hàng gia dụng và công nghiệp bằng kim loại GĐ2, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, lãi suất vay 24 tháng đầu là 8.6%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng giá trị nhà xưởng hình thành trong tương lai.

Khoản vay tại Công ty Cổ phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - Chi nhánh Nghệ An của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2020-HĐCVĐAT/NHCT440-NLSONHA ngày 12 tháng 10 năm 2020, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư hệ thống pin năng lượng mặt trời công suất 998 kWp, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh một tháng một lần, tài sản đảm bảo là toàn bộ quyền thu hồi công nợ bán điện từ hệ thống điện mặt trời mái nhà theo Hợp đồng mua bán điện số 66 ngày 11 tháng 12 năm 2020 ký với Tổng công ty Điện lực miền trung và máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư hệ thống năng lượng mặt trời Chu Lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khoản vay tại Công ty cổ phần điện mặt trời Sơn Hà Free Solar

- (vi) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam Chi nhánh Lê Thái Tổ của Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà Free Solar theo Hợp đồng tín dụng để thanh toán chi phí mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với lãi suất 7,5%/năm. Tài sản đảm bảo là xe ô tô tải pick-up cabin kép biển số 29H-498.39 và 29H-497.78 quy định theo hợp đồng thế chấp/ cầm cố có liên quan số HDTD/LTT/CRL/12052021-281705936/01 và HDTG/LTT/CRL/12052021-281705936/02.

Khoản vay tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP

- (vii) Khoản vay theo hợp đồng 48/2022/HDTD/TTKD KMA ngày 29/09/2022 của công Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Trì với Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP nhận tiền giải ngân từ bên ngân hàng thế chấp bằng tài sản vô hình là phần mềm SAP.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.677.519.587	8.139.432.711
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	178.896.695	196.106.376
Chi quỹ	(1.702.053.500)	(2.658.019.500)
Số cuối kỳ	4.154.362.782	5.677.519.587

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm nay	1.621.764.490.000	(47.906.902.648)	67.309.880.000	(4.186.322.972)	(5.116.836.291)	38.865.623.775	268.432.956	69.467.000.066	266.952.401.534	2.007.417.766.420
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	78.464.342.053	32.297.161.240	110.761.503.294
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-	(402.276.769)	-	(402.276.769)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(119.387.652)	(84.612.348)	(204.000.000)
Trích lập các quỹ thuộc vốn	-	-	-	-	-	180.244.503	-	(180.244.503)	-	-
Trích lập các quỹ khác	-	-	-	-	-	-	-	(90.122.252)	(88.774.443)	(178.896.695)
Góp vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	890.000.000	890.000.000
Chênh lệch tỷ giá quy đổi báo cáo	-	-	-	-	2.124.560.170	-	-	-	-	2.124.560.170
Tạm ứng cổ tức 2024 TMY	-	-	-	-	-	-	-	-	(15.702.831.408)	(15.702.831.408)
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh tăng giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.621.764.490.000	(47.906.902.648)	67.309.880.000	(4.186.322.972)	(2.992.276.121)	39.045.868.278	268.432.956	147.139.310.944	284.263.344.575	2.104.705.825.011

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Lê Vĩnh Sơn	173.541.750.000	173.541.750.000
Các cổ đông khác	1.448.222.740.000	1.448.222.740.000
Cộng	1.621.764.490.000	1.621.764.490.000

22c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	162.176.449	162.176.449
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	161.857.589	161.857.589
Số lượng cổ phiếu được mua lại	318.860	318.860
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	161.857.589	161.857.589

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Tổng doanh thu**

	Quý IV .2024	Quý IV .2023
Doanh thu bán hàng hóa	2.781.302.888.049	1.895.164.930.162
Doanh thu bán thành phẩm	1.172.261.523.488	863.760.292.750
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.649.629.397	5.278.192.598
Doanh thu cung cấp nước sạch	9.269.716.747	13.811.931.508
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	16.412.722	-
Cộng	3.964.500.170.403	2.778.015.347.018

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý IV .2024	Quý IV .2023
Chiết khấu thương mại	42.157.423.178	45.241.210.841
Hàng bán bị trả lại	94.498.797	2.945.399.133
Giảm giá hàng bán	-	-
Cộng	42.251.921.975	48.186.609.974

3. Giá vốn hàng bán

	Quý IV .2024	Quý IV .2023
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.629.710.216.355	1.709.393.013.878
Giá vốn của thành phẩm đã bán	995.103.685.783	776.711.190.105

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quý IV .2024	Quý IV .2023
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	506.278.236	7.499.956.553
Giá vốn nước thành phẩm	8.353.396.981	15.362.327.235
Giá vốn hoạt động khác	8.573.696	-
Cộng	3.633.682.151.051	2.508.966.487.771
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Quý IV .2024	Quý IV .2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.536.704.305	7.465.416.552
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	12.691.021.454	5.249.779.021
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	421.855.664	3.316.313.939
Doanh thu tài chính khác	6.026.194.647	10.506.036.528
Cộng	25.675.776.070	26.537.546.040
5. Chi phí tài chính		
	Quý IV .2024	Quý IV .2023
Chi phí lãi vay	76.826.199.468	80.323.930.028
Chiết khấu thanh toán	6.618.530.194	3.660.190.802
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	8.322.682.114	13.597.303.764
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	6.210.956.522	220.188.149
Chi phí tài chính khác	-	833.715
Cộng	97.978.368.298	97.802.446.458
6. Chi phí bán hàng		
	Quý IV .2024	Quý IV .2023
Chi phí cho nhân viên	33.234.383.521	22.774.292.958
Chi phí vật liệu, bao bì	258.363.056	2.235.553.020
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	119.236.448	4.592.396.977
Chi phí khấu hao tài sản cố định	925.027.226	1.189.792.654
Chi phí bảo hành	3.337.060.347	2.364.239.556
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	2.929.083.114	1.261.005.507
Chi phí vận chuyển, chi phí xuất khẩu	32.747.084.309	15.183.427.708
Chi phí showroom	-	4.897.377.681
Chi phí thuê kho, cửa hàng	5.224.063.844	4.745.928.062
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.764.209.941	14.282.287.865
Các chi phí khác	10.853.792.780	3.563.021.926
Cộng	104.392.304.586	77.089.323.915
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Quý IV .2024	Quý IV .2023
Chi phí cho nhân viên	15.452.066.336	18.562.071.239

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quý IV .2024	Quý IV .2023
Chi phí vật liệu quản lý	45.530.662	39.297.040
Chi phí đồ dùng văn phòng	352.726.700	384.045.426
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.750.906.107	3.694.849.367
Thuế, phí và lệ phí	134.272.761	680.539.165
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	6.567.135.632	171.329.340
Chi phí thanh toán, mở LC	3.452.562.774	6.568.803.679
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.898.760.205	5.667.863.163
Các chi phí khác	8.060.821.529	2.336.139.853
Cộng	53.714.782.707	38.104.938.272

8. Thu nhập khác

	Quý IV .2024	Quý IV .2023
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	8.876.496	-
Thanh lý tài sản	1.100.251.841	63.636.363
Phạt vi phạm hợp đồng	768.450.842	1.014.004.817
Bán Đề xê	19.865.911	-
Thu nhập khác	308.115.626	464.847.678
Cộng	2.205.560.716	1.542.488.858

9. Chi phí khác

	Quý IV .2024	Quý IV .2023
Xuất hủy hàng tồn lâu ngày	64.931.830	-
Phạt vi phạm hành chính, vi phạm hợp đồng	-	280.929.070
Thuế bị phạt, bị truy thu	316.291.731	345.128.560
Khấu hao tài sản không sử dụng	274.009.074	95.193.783
Chi phí dự án không thực hiện	381.713.951	-
Chi phí khác	1.648.168.620	1.070.078.037
Cộng	2.685.115.206	1.791.329.450

10. Lãi trên cổ phiếu*Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu*

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	78.464.342.053	16.488.912.250
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
<i>Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</i>	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	78.464.342.053	16.488.912.250

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	162.176.449	162.176.449
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	483,82	101,67

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	162.176.449	100.535.707
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành thêm cổ phiếu	-	61.640.742
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	162.176.449	162.176.449

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Ông Lê Vĩnh Sơn – Chủ tịch Công ty dùng 1.120.000 cổ phiếu SHI thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đồng Đa theo hợp đồng cấp tín dụng số 50678.20.058.2475643.TD ngày 6/10/2020 (xem thuyết minh số V.20a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.6.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanseem Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Sơn Hà Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (Sơn Hà Sài Gòn)	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	Công ty con của Sơn Hà Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng hợp Lệ Gia	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.6 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh hàng gia dụng.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng công nghiệp.
- Lĩnh vực kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam.

Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận chỉ có trên lãnh thổ Việt Nam.

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Mạnh Quân

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Chủ tịch HĐQT



Lê Vĩnh Sơn